|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HỘ CƠ  **TỔ KHTN - CN - THƯ VIỆN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN/ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC “HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP”**

**NĂM HỌC 2024 – 2025**

Căn cứ Kế hoạch giáo dục của Tổ chuyên môn ban hành ngày 09 tháng 09 năm 2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế nhiệm vụ được phân công;

Bản thân xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

1. **Kế hoạch dạy học**

**1 - Phân phối chương trình, lớp 6 - KHTN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chủ đề/Bài học[[1]](#footnote-1) | Số tiết | Tuần | Thiết bị dạy học[[2]](#footnote-2) | Địa điểm dạy học[[3]](#footnote-3) |
| **HỌC KÌ I** | | | | | |
| **MỞ ĐẦU 5% = 7 TIẾT** | | | | |  |
| 1 | Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên (tiết 1) | 1 | 1 |  |  |
| 2 | Bài 2: Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên (tiết 1,2) | 2,3 |  |  |
| 3 | Bài 3. Quy trình an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học (tiết 1) | 4 | - Áo choàng, Găng tay cao su, Kính bảo hộ  - Pipet (ống hút nhỏ giọt); Lọ thủy tinh miệng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt; Ống đong hình trụ 100ml; Ống nghiệm; Nhiệt kế lòng; Cốc thủy tinh loại 250ml; Bình chia độ | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 4 | Bài 3. Quy trình an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học (tiết 2) | 5,6,7 | 2 | Kính lúp  Kính hiển vi | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| **CHỦ ĐỀ 1. CÁC PHÉP ĐO 7% = 10 TIẾT** | | | | |  |
| 5 | Bài 4: Đo chiều dài (tiết 1) | 8 | 2 |  |  |
| 6 | Bài 4: Đo chiều dài (tiết 2) | 9 | 3 |  |  |
| 7 | Bài 5: Đo khối lượng (tiết 1,2) | 10,11 |  |  |
| 8 | Bài 6: Đo thời gian (tiết 1) | 12 |  |  |
| 9 | Bài 6: Đo thời gian (tiết 2) | 13 | 4 |  |  |
| 10 | Bài 7: Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ (tiết 1,2,3) | 14,15,16 |  |  |
| 11 | Ôn tập chủ đề 1 (tiết 1) | 17 | 5 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 2: CÁC THỂ CỦA CHẤT 3% = 4 TIẾT** | | | | |  |
| 12 | Bài 8. Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất (tiết 1,2,3) | 18,19,20 | 5 | Tranh mô tả sự đa dạng của các chất | Lớp học |
| 13 | Ôn tập chủ đề 2 (tiết 1) | 21 | 6 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 3: OXYGEN VÀ KHÔNG KHÍ 2% = 3 TIẾT** | | | | |  |
| 14 | Bài 9: Oxygen (tiết 1) | 22 | 6 |  |  |
| 15 | Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí (tiết 1) | 23 |  |  |
| 16 | Ôn tập chủ đề 3 (tiết 1) | 24 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM THÔNG DỤNG, TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA CHÚNG 6% = 8 TIẾT + 1 TIẾT ÔN TẬP + 2 TIẾT KIỂM TRA GIỮA KÌ** | | | | |  |
| 17 | Bài 11: Một số vật liệu thông dụng (tiết 1,2) | 25,26 | 7 |  |  |
| 18 | Bài 12: Nhiên liệu và an ninh năng lượng (tiết 1,2) | 27,28 |  |  |
| 19 | Bài 13: Một số nguyên liệu (Tiết 1) | 29 | 8 |  |  |
| 20 | Bài 14: Một số lương thực – thực phẩm (tiết 1,2) | 30,31 |  |  |
| 21 | Ôn tập chủ đề 4 (tiết 1) | 32 |  |  |
| 22 | Ôn tập kiểm tra giữa kì 1 | 33 | 9 |  |  |
| 23 | Kiểm tra giữa kì 1 (Tiết 1,2) | 34,35 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 5: CHẤT TINH KHIẾT - HỖN HỢP - PHƯƠNG PHÁP TÁCH CÁC CHẤT 4% = 6 TIẾT)** | | | | |  |
| 24 | Bài 15: Chất tinh khiết – Hỗn hợp (tiết 1) | 36 | 9 |  |  |
| 25 | Bài 15: Chất tinh khiết – Hỗn hợp (tiết 2,3) | 37,38 | 10 |  |  |
| 26 | Bài 16: Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp (tiết 1,2) | 39,40 |  |  |
| 27 | Ôn tập chủ đề 5 (tiết 1) | 41 | 11 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 6: TẾ BÀO - ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỒNG 6% = 8 TIẾT** | | | | |  |
| 28 | Bài 17. Tế bào (tiết 1,2,3) | 42,43,44 | 11 | - Tranh so sánh tế bào thực vật, động vật  - Tranh so sánh tế bào nhân thực và nhân sơ | Lớp học |
| 29 | Bài 17. Tế bào (tiết 4,5) | 45,46 | 12 | Lớp học |
| 30 | Bài 18: Thực hành quan sát tế bào thực vật (tiết 1,2) | 47,48 | Kính hiển vi | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 31 | Ôn tập chủ đề 6 (tiết 1) | 49 | 13 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 7: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ 5% = 7 TIẾT** | | | | |  |
| 32 | Bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào (tiết 1,2) | 50,51 | 13 |  |  |
| 33 | Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào (tiết 1) | 52 |  |  |
| 34 | Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào (tiết 2) | 53 | 14 |  |  |
| 35 | Bài 21: Thực hành quan sát sinh vật (tiết 1,2) | 54,55 | Kính hiển vi | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 36 | Ôn tập chủ đề 7 (tiết 1) | 56 |  |  |
| CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG 27% = 38 TIẾT **+ 2 TIẾT ÔN TẬP + 2 TIẾT KIỂM TRA CUỐI KÌ** | | | | |  |
| 37 | Bài 22. Phân loại thế giới sống (tiết 1,2) | 57,58 | 15 |  |  |
| 38 | Bài 23. Thực hành xây dựng khóa lưỡng phân (tiết 1) | 59 |  |  |
| 39 | Bài 24. Virut (tiết 1) | 60 |  |  |
| 40 | Bài 24. Virut (tiết 2 ) | 61 | 16 |  |  |
| 41 | Bài 25. Vi khuẩn (tiết 1,2) | 62,63 |  |  |
| 42 | Bài 26. Thực hành quan sát vi khuẩn. Tìm hiểu các bước làm sữa chua (tiết 1) | 64 | Kính hiển vi | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 43 | **Chủ đề stem: Sản xuất dưa rau muống bằng công nghệ nén** (tiết 1,2) | 65,66 | 17 | Tivi | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 44 | Bài 27: Nguyên sinh vật (tiết 1,2) | 67,68 |  |  |
| 45 | Ôn tập cuối học kì 1 (tiết 1,2) | 69,70 | 18 |  |  |
| 46 | Kiểm tra cuối học kì 1 (tiết 1,2) | 71,72 |  |  |
| **HỌC kÌ II** | | | | | |
| 47 | Bài 27: Nguyên sinh vật (tiết 3,4,5) | 73,74,75 | 19 |  |  |
| 48 | Bài 28: Nấm (tiết 1) | 76 |  |  |
| 49 | Bài 28: Nấm (tiết 2,3,4) | 77,78,79 | 20 |  |  |
| 50 | Bài 29: Thực vật (tiết 1) | 80 | - Video mô tả đa dạng thực vật Video mô tả đa dạng thực vật  - Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt Kín); | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 51 | Bài 29: Thực vật (tiết 2,3,4,5) | 81,82,83,84 | 21 | Lớp học |
| 52 | Bài 30: Thực vật phân loại thực vật (tiết 1) | 85 | 22 | Tranh thực vật có mạch, có hạt, có hoa( Hạt Kín) | Lớp học |
| 53 | Bài 31: Động vật (tiết 1,2,3) | 86,87,88 | - Tranh về sự đa dạng động vật không xương sống;  - Tranh về sự đa dạng động vật có xương sống;  - Video mô tả đa dạng cá;  - Video mô tả đa dạng lưỡng cư;  - Video mô tả đa dạng chim;  - Video mô tả đa dạng thú. | Lớp học |
| 54 | Bài 31: Động vật (tiết 4,5,6) | 89,99,91 | 23 | Lớp học, Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 55 | Bài 32: Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên (tiết 1) | 92 |  | Sân vườn trường |
| 56 | Bài 33: Đa dạng sinh học (tiết 1,2) | 93,94 | 24 | - Video mô tả đa dạng sinh học;  - Video mô tả các nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 57 | Bài 34: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (tiết 1,2) | 95,96 | Kính lúp | Sân vườn trường |
| 58 | Bài 34: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên (tiết 3) | 97 | 25 | Sân vườn trường |
| 59 | Ôn tập chủ đề 8 (tiết 1) | 98 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 9: LỰC 11% = 15 TIẾT + 1 TIẾT ÔN TẬP + 2 TIẾT KIỂM TRA GIŨA KÌ** | | | | |  |
| 60 | Bài 35: Lực và biểu diễn lực (tiết 1,2) | 99,100 | 25 |  |  |
| 61 | Bài 36: Tác dụng của lực (tiết 1) | 101 | 26 |  |  |
| 62 | Ôn tập kiểm tra giữa kì 2 | 102 |  |  |
| 63 | Kiểm tra giữa kì 2 (tiết 1,2) | 103,104 |  |  |
| 64 | **Chủ đề stem: Chế tạo chiếc dù (tiết 1,2)** | 105,106 | 27 | Dụng cụ để làm dù | Phòng bộ môn KHTN 1 |
| 65 | Bài 37: Lực hấp dẫn và trọng lượng (tiết 1,2) | 107,108 |  |  |
| 66 | Bài 38: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc (tiết 1) | 109 | 28 | Bộ dụng cụ minh họa lực không tiếp xúc | Lớp học |
| 67 | Bài 39: Biến dạng của lò xo. Phép đo lực (tiết 1,2,3) | 110,11,112 |  |  |
| 68 | Bài 40: Lực ma sát (tiết 1,2,3) | 113,114,115 | 29 | Tranh mô tả sự tương tác của bề mặt hai vật | Lớp học |
| 69 | Ôn tập chủ đề 9 (tiết 1) | 116 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 10 : NĂNG LƯỢNG VÀ CUỘC SỐNG 7% = 10 TIẾT** | | | | |  |
| 70 | Bài 41: Năng lượng (tiết 1,2,3,4) | 117,118,118,120 | 30 |  |  |
| 71 | Bài 42: Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng (tiết 1,2,3,4) | 121,122,123,124 | 31 |  |  |
| 72 | Bài 42: Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng (tiết 5) | 125 | 32 |  |  |
| 73 | Ôn tập chủ đề 10 (tiết 1) | 126 |  |  |
| **CHỦ ĐỀ 11: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI 7% = 10 TIẾT + 2 TIẾT ÔN TẬP + 2 TIẾT KIỂM TRA CUỐI KÌ** | | | | |  |
| 74 | Bài 43: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời (tiết 1,2) | 127,128 | 32 | Tranh về hệ mặt trời | Lớp học |
| 75 | Bài 44: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng (tiết 1,2,3) | 129,130,131 | 33 |  |  |
| 76 | Bài 45: Hệ Mặt Trời và Ngân Hà (tiết 1) | 132 | Tranh về Ngân hà | Lớp học |
| 77 | Bài 45: Hệ Mặt Trời và Ngân Hà (tiết 2,3,4) | 133,134,135 | 34 | Lớp học |
| 78 | Ôn tập chủ đề 11 (tiết 1) | 136 |  |  |
| 79 | Ôn tập cuối học kì 2 (tiết 1,2) | 137,138 | 35 |  |  |
| 80 | Kiểm tra cuối học kì 2 (tiết 1,2) | 139,140 |  |  |

1. **Phân phối chương trình, lớp 6, HĐTN – HN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | |
|  |  |  |  | |
| **TT** | **CHỦ ĐIỂM/ CHỦ ĐỀ** | | | **NỘI DUNG** | | **Số tiết** | **Tuần** | Thiết bị dạy học[[4]](#footnote-4) | Địa điểm dạy học[[5]](#footnote-5) |
| 1 | **Chủ điểm 1: XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG** | | | 1.**Tìm hiểu ngôi trường mới của em** - Tìm hiểu các hoạt động đặc trưng của trường THCS. - Tìm hiểu các phòng chức năng của trường. | | 1 | 1 |  |  |
| 2 | - Làm quen với thầy cô và bạn bè.  - Bầu ban cán sự lớp và chia tổ/ nhóm | | 2 |  |  |
| 3 | **Chủ đề 1: KHÁM PHÁ LỨA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI** | | | 1. Khám phá trường THCS của em. 2. Tìm hiểu bản thân | | 3 |  |  |
| 4 | **Chủ điểm 1: XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG** | | | 2.**Tìm hiểu truyền thống nhà trường** - Tìm hiểu truyền thống hiếu học của nhà trường. - Tìm hiểu nội quy nề nếp của nhà trường | | 4 | 2 |  |  |
| 5 | - Xây dựng nội quy lớp học. - Tìm hiểu nhiệm vụ chính của năm học. | | 5 |  |  |
| 6 | **Chủ đề 1: KHÁM PHÁ LỨA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI** | | | 3. Điều chỉnh thái độ, cảm xúc của bản thân. 4. Rèn luyện để tự tin bước vào tuổi mới lớn. | | 6 |  |  |
| 7 | **Chủ điểm 1: XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG** | | | 3.**Tham gia xây dựng văn hóa trường học** - Thể hiện văn hóa giao tiếp trong trường học. - Phổ biến quy định về giữ gìn cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp. | | 7 | 3 |  |  |
| 8 | Chia sẻ cách tạo thiện cảm trong quan hệ bạn bè. Thảo luận cách thực hiện tốt nội quy lớp học. | | 8 |  |  |
| 9 | **Chủ đề 1: KHÁM PHÁ LỨA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI** | | | 5. Rèn luyện sự tập trung trong học tập. 6. Dành thời gian cho sở thích của em. 7. Rèn luyện để thích ứng với sự thay đổi. | | 9 |  |  |
| 10 | **Chủ điểm 1: XÂY DỰNG TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG** | | | **4.Ca ngợi trường em** - Hát những bài hát truyền thống về nhà trường. - Nghe kể về những tấm gương của nhà trường. | | 10  11 | 4 |  | SHDC (Tổ chức theo khối)  Sân trường |
| 11 |  |
| 12 | **Chủ đề 1: KHÁM PHÁ LỨA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI** | | | 8. Giúp bạn hòa đồng với môi trường học tập mới. 9. Tự tin vào bản thân. 10. Tạo sản phẩm thể hiện hình ảnh của bản thân. 11. Tự đánh giá. | | 12 |  |  |
| 13 | **Chủ điểm 2: CHĂM NGOAN, HỌC GIỎI** | | | **1.Tìm hiểu phương pháp học ở trường THCS** - Nghe thầy cô hướng dẫn phương pháp học tập ở THCS. - Trao đổi kinh nghiệm học tập với các anh chị lớp trên. | | 13 | 5 |  |  |
| 14 | - Trao đổi kinh nghiệm học tập với các bạn trong tổ/ nhóm. - Giúp bạn cùng tiến. | | 14 |  |  |
| 15 | **Chủ đề 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN** | | | 1. Chăm sóc sức khỏe qua việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày. 2. Tìm hiểu tư thế đi, đứng, ngồi đúng. 3. Sắp xếp không gian học tập, sinh hoạt. | | 15 |  |  |
| 16 | **Chủ điểm 2: CHĂM NGOAN, HỌC GIỎI** | | | **2. Lan tỏa giá trị yêu thương** - Nghe chuyên gia, thầy cô nói chuyện về giá trị yêu thương. - Chia sẻ cảm nghĩ của em về yêu thương. | | 16 | 6 |  |  |
| 17 | - Kể những việc Làm đáng tự hào của bản thân. - Rèn luyện cách nói chuyện vui vẻ với bạn. | | 17 |  |  |
| 18 | **Chủ đề 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN** | | | 4. Kiểm soát nóng giận. 5. Tạo niềm vui và sự thư giãn. 6. Kiểm soát lo lắng. 7. Suy nghĩ tích cực để kiểm soát cảm xúc. | | 18 |  |  |
| 19 | **Chủ điểm 2: CHĂM NGOAN, HỌC GIỎI** | | | **3. Ca ngợi người phụ nữ Việt Nam -** Tham gia chương trình văn nghệ "Vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam". - Nghe kể về tấm gương người phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà. **4. An toàn trong trường học** - Tham gia diễn đàn phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học. - Nói không với bắt nạt học đường. | | 19 | 7 |  |  |
| 20 | - Chia sẻ về người phụ nữ mà em yêu thương. - Thể hiện tình cảm với cô giáo và các bạn nữ. - Sắp xếp bàn học, không gian sinh hoạt. - Thảo luận về quy định an toàn trong trường học. | | 20 |  |  |
| 21 | **Chủ đề 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN** | | | 8. Sáng tạo chiếc lọ thần kì. 9. Chiến thắng bản thân. 10. Xử lý tình huống kiểm soát nóng giận và lo lắng. 11. Tự đánh giá. | | 21 |  |  |
| 22 | **Chủ điểm 3: TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO** | | | **1. Hưởng ứng phong trào "Dạy tốt, học tốt" -** Đăng ký thi đua học tốt. - Thực hiện cam kết thi đua. **2. Tôn vinh nghề dạy học** - Kể chuyện về tấm gương nhà giáo. - Lắng nghe tâm sự nghề giáo. | | 22 | 8 |  |  |
| 23 | - Thảo luận về phương pháp tự học hiệu quả. - Chia sẻ về cách thực hiện cam kết thi đua học tố - Trò chuyện với giáo viên chủ nhiệm. - Kể về thầy, cô giáo cũ. | | 23 |  |  |
| 24 | **Chủ đề 3 : XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ** | | | 1. Khám phá cách thiết lập và mở rộng quan hệ bạn bè. 2. Tìm hiểu các cách thiết lập mối quan hệ với thầy cô. 3. Tìm hiểu các bước giải quyết vấn đề trong mối quan hệ với bạn bè. | | 24 |  |  |
| 25 | **Kiểm tra giữa kì I (60 phút)** | | | | | 25 | 9 |  |  |
| 26 | **Sửa bài kiểm tra (30 phút)** | | | | | 26 |  |  |
| 27 | **Chủ đề 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ** | | | 4. Giữ gìn mối quan hệ với bạn bè, thầy cô. 5. Phát triển kĩ năng tạo thiện cảm trong giao tiếp | | 27 |  |  |
| 28 | **Chủ điểm 3: TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO** | | | 3. **Kỉ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam**  - Tham gia tích cực vào các hoạt động tập thể trong lễ kỉ niệm. - Thể hiện lòng biết ơn thầy cô. | | 28 | 10 |  |  |
| 29 | - Nói lời tri ân với thầy cô. - Trao đổi về kết quả thực hiện phong trào "Dạy tốt, học tốt". | | 29 |  |  |
| 30 | **Chủ đề 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ** | | | 6. Xác định một số vấn đề thường xảy ra trong mối quan hệ của em ở trường. 7. Giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ bạn bè 8. Ứng xử đúng mực với thầy cô. | | 30 |  |  |
| 31 | **Chủ điểm 3: TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO** | | | 4. **Tổng kết phong trào "Dạy tốt, học tốt"** - Báo cáo kết quả thi đua của lớp. - Giao lưu với thầy cô và học sinh điển hình. | | 31 | 11 |  |  |
| 32 | - Kể về tấm gương tốt của bạn. - Chia sẻ kết quả rèn luyện của bản thân trong tháng thi đua. | | 32 |  |  |
| 33 | **Chủ đề 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ** | | | 9. Sưu tầm danh ngôn về tình bạn, tình thầy trò. 10. Xây dựng từ điển giao tiếp của lớp. 11. Tự đánh giá | | 33 |  |  |
| 34 | **Chủ điểm 4: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN** | | | **1. Giáo dục truyền thống gia đình -** Kể về những đóng góp của một số gia đình tiêu biểu. - Chia sẻ về vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân. **2. Bảo vệ chủ quyền biên giới, hải đảo** - Đồng diễn dân vũ về chủ đề quê hương, đất nước. - Hùng biện về chủ quyền biên giới, hải đảo. | | 34 | 12 |  |  |
| 35 | - Chia sẻ những việc làm của gia đình của gia đình em cho quê hương. - Chia sẻ kỉ niệm của em về gia đình. - Tìm hiểu cuộc sống của chú bộ đội nơi biên giới, hải đảo. - Viết thư hỏi thăm các chú bộ đội nơi biên giới, đảo. | | 35 |  |  |
| 36 | **Chủ đề 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH** | | | 1. Giới thiệu gia đình em. 2. Tìm hiểu cách nuôi dưỡng các mối quan hệ trong gia đình. 3. Thực hiện những việc làm chăm sóc gia đình thường xuyên. | | 36 |  |  |
| 37 | **Chủ điểm 4: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN** | | | **3. Giữ gìn truyền thống văn hóa địa phương** - Trưng bày triển lãm về văn hóa địa phương. - Giới thiệu sản phẩm của địa phương. | | 37 | 13 |  |  |
| 38 | - Tọa đàm về xây dựng gia đình văn hóa. - Viết thông điệp yêu thương gửi người thân. | | 38 |  |  |
| 39 | **Chủ đề 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH** | | | 4. Chia sẻ khó khăn cùng bố mẹ, người thân. 5. Quan tâm đến sở thích của người thân. 6. Xác định vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình và cách giải quyết. | | 39 |  |  |
| 40 | **Chủ điểm 4: UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN** | | | **4. Tự hào Quân đội Nhân dân Việt Nam** - Giao lưu với chú bộ đội. - Tham gia văn nghệ chào mừng Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam. | | 40 | 14 |  |  |
| 41 | - Kể về những việc làm xây đắp tình quân dân. - Chia sẻ việc làm của em thể hiện tình yêu quê hương đất nước. | | 41 |  |  |
| 42 | **Chủ đề 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH** | | | 7. Tạo bầu không khí gia đình vui vẻ. 8. Vẽ gia đình mơ ước của em. 9. Tự đánh giá. | | 42 |  |  |
| 43 | **Chủ điểm 5: CHÀO XUÂN YÊU THƯƠNG** | | | **1. Vui xuân ấm no -** Đóng góp và sắp xếp các món quà cho chương trình "Trao tấm lòng vàng". - Chia sẻ ý nghĩa của các hoạt động thiện nguyện | | 43 | 15 |  |  |
| 44 | - Giới thiệu các hoàn cảnh khó khăn cần được chia sẻ. - Chia sẻ các cách tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình. | | 44 |  |  |
| 45 | **Chủ đề 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU** | | | 1. Xác định các khoản tiền của em. 2. Chỉ ra những lí do xác định khoản chi tiêu của em. | | 45 |  |  |
| 46 | **Chủ điểm 5: CHÀO XUÂN YÊU THƯƠNG** | | | 2. **Tìm hiểu trang phục ngày Tết** - Giới thiệu trang phục ngày Tết. - Trình diễn trang phục ngày Tết. | | 46 | 16 |  |  |
| 47 | - Chia sẻ ý tưởng trang trí nhà, lớp học vào ngày Tết sao cho đẹp và tiết kiệm. - Làm đồ trang trí lớp học ngày Xuân. | | 47 |  |  |
| 48 | **Chủ đề 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU** | | | 3. Xác định cái mình cần và cái mình muốn. | | 48 |  |  |
| 49 | **Chủ điểm 5: CHÀO XUÂN YÊU THƯƠNG** | | | **3. Giữ gìn truyền thống ngày Tết -** Kể về phong tục Tết quê em. - Thực hiện hành vi văn minh, tiết kiệm trong dịp lễ Tết. | | 49 | 17 |  |  |
| 50 | - Tìm hiểu văn hóa ẩm thực ngày tết - Gói bánh ngày Tết. | | 50 |  |  |
| 51 | **Chủ đề 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU** | | | 4. Xác định khoản chi ưu tiên. | | 51 |  |  |
| 52 | **Kiểm tra cuối kì I (60 phút)** | | |  | | 52 | 18 |  |  |
| 53 | **Sửa bài kiểm tra (30 phút)** | | |  | | 53 |  |  |
| 54 | **Chủ đề 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU** | | | 5. Quyết định khoản chi ưu tiên 6. Tự đánh giá. | | 54 |  |  |
| 55 | **Chủ điểm 6: MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN** | | | **1. Thực hiện tuần lễ xanh – sạch – đẹp** - Trang trí không gian trường lớp bằng các sản phẩm tái chế. - Chăm sóc cây xanh trong nhà trường. | | 55 |  |  |  |
| 56 | - Tìm hiểu bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học. - Rèn luyện các hành vi văn hóa trong trường học. - Vẽ tranh cổ động mừng Đảng, mừng Xuân theo nhóm. Giới thiệu ý nghĩa của tranh. | | 56 |  |  |
| 57 | **Chủ đề 6:** **XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN** | | | 1. Tìm hiểu ý nghĩa của nơi công cộng.  2. Tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng. 3. Thực hiện nói cười đủ nghe nơi công cộng. | | 57 |  |  |
| 58 | **Chủ điểm 6: MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN** | | | **2. Văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân -** Tham gia hát múa tập thể. - Thuyết trình về chủ đề Mừng xuân trên quê hương em**.** | | 58 | 20 |  | SHDC (Tổ chức theo khối)  Sân trường |
| 59 |  |
| 60 | **3. Chung tay xây dựng ý thức xã hội -** Tuyên truyền nâng cao ý thức xã hội cho học sinh. - Cam kết thực hiện hành vi văn minh. | | 59 |  |
| 61 | **Chủ đề 6:** **XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN** | | | 4. Xếp hàng trật tự nơi công cộng. 5. Lựa chọn trang phục phù hợp nơi công cộng. 6. Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên 7. Giúp đỡ và chia sẻ với mọi người. | | 60 |  |  |
| 62 | **Chủ điểm 6: MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN** | | | **4. Vui Tết an toàn -** Tuyên truyền về vui Tết an toàn. - Tham gia tiểu phẩm về an toàn ngày Tết. | | 61 | 21 |  |  |
| 63 | - Báo cáo kết quả tuần lễ xanh – sạch – đẹp. - Chia sẻ cảm xúc của em khi môi trường xung quanh xanh – sạch – đẹp. - Chia sẻ kế hoạch trong những ngày nghỉ Tết của em. - Thảo luận về ứng xử văn minh trong lễ hội. | | 62 |  |  |
| 64 | **Chủ đề 6:** **XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN** | | | 8. Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh. 9. Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè ứng xử văn minh nơi công cộng. 10. Tự đánh giá. | | 63 |  |  |
| 65 | **Chủ điểm 7: HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN** | | | **1. Phát triển nghề truyền thống trong hội nhập quốc tế** - Nghe chuyên gia chia sẻ về các cơ hội phát triển nghề truyền thống. - Trao đổi về giữu gìn bản sắc Việt. | | 64 | 22 |  |  |
| 66 | - Tham gia hoạt động "Trao nụ cười – nhận niềm vui". - Chia sẻ về giá trị của đoàn kết. | | 65 |  |  |
| 67 | **Chủ đề 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM** | | | 1. Kể tên nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm tiêu biểu. 2. Tìm hiểu hoạt động đặc trưng và lưu ý an toàn khi làm nghề truyền thống. | | 66 |  |  |
| 68 | **Chủ điểm 7: HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN** | | | **2. Giao lưu với các nữ nghệ nhân của nghề truyền thống -** Giao lưu với các nữ nghệ nhân làm nghề truyền thống. - Hát về mẹ. | | 67 | 23 |  |  |
| 69 | - Tổ chức chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. - Nói về vẻ đẹp nữ sinh. | | 68 |  |  |
| 70 | **Chủ đề 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM** | | | 3. Phỏng vấn nghệ nhân. 4. Rèn luyện những phẩm chất, năng lực của người làm nghề truyền thống. | | 69 |  |  |
| 71 | **Chủ điểm 7: HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN** | | | **3. Hợp tác và phát triển nghề truyền thống -** Nghe nói chuyện chủ đề hợp tác để phát triển. - Giới thiệu sản phẩm nghề truyền thống Việt Nam. | | 70 | 24 |  |  |
| 72 | - Hát các bài Hát về nghề. - Chơi trò Chơi phát triển kĩ năng hợp tác. | | 71 |  |  |
| 73 | **Chủ đề 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM** | | | 5. Giữ gìn các nghề truyền thống. | | 72 |  |  |
| 74 | **Chủ điểm 7: HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN** | | | **4. Tiến bước lên đoàn** - Tham gia Lễ kỉ niệm Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Hát các bài hát về Đoàn. | | 73 | 25 |  |  |
| 75 | - Tìm hiểu về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. - Tìm hiểu tấm gương Đoàn viên tiêu biểu. | | 74 |  |  |
| 76 | **Chủ đề 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM** | | | 6. Sáng tạo sản phẩm. | | 75 |  |  |
| 77 | **Kiểm tra giữa kì II (60 phút)** | | | | | 76 | 26 |  |  |
| 78 | **Sửa bài kiểm tra (30 phút)** | | | | | 77 |  |  |
| 79 | **Chủ đề 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM** | | | 7. Tuyên truyền quảng bá nghề truyền thống. 8. Tự đánh giá. | | 78 |  |  |
| 80 | **Chủ điểm 8: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | | **1. Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên -** Tham gia diễn đàn về thiên nhiên và việc bảo tồn thiên nhiên. - Triễn lãm tranh, ảnh cổ động việc bảo tồn thiên nhiên. | | 79 | 27 |  |  |
| 81 | - Du lịch thắng cảnh quê hương qua màn ảnh nhỏ. - Chia sẻ cảm xúc và việc làm bảo vệ cảnh quan. | | 80 |  |  |
| 82 | **Chủ đề 8: PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ GIẢM THIỂU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | | 1. Tìm hiểu về một số thiên tai. 2. Tìm hiểu tác động của biến đổi khí hậu. | | 81 |  |  |
| 83 | **Chủ điểm 8: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | | **2. Bảo vệ môi trường và giảm thiểu biến đổi khí hậu** - Hướng dẫn một số biện pháp phòng tránh thiên tai. - Trao đổi biện pháp bảo vệ môi trường và giảm thiểu biến đổi khí hậu. | | 82 | 28 |  |  |
| 84 | - Vận động mọi người không sử dụng đồ dùng từ động vật quý hiếm. - Hát các bài Hát về môi trường xanh. | | 83 |  |  |
| 85 | **Chủ đề 8: PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ GIẢM THIỂU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | | 3. Tự bảo vệ khi có bão. 4. Tự bảo vệ trước lũ lụt. 5. Tự bảo vệ khi sạt lở đất. | | 84 |  |  |
| 86 | **Chủ điểm 8: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | | **3. Hưởng ứng văn hóa đọc vì sự phát triển bền vững** - Tham gia triển lãm sách. - Giới thiệu sách về môi trường và khí hậu. | | 85 | 29 |  |  |
| 87 | - Giới thiệu cuốn sách về môi trường mà em yêu thích. - Trao đổi sách | | 86 |  |  |
| 88 | **Chủ đề 8: PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ GIẢM THIỂU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | | 6. Phòng chống dịch bệnh sau thiên tai. 7. Thực hiện những việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. | | 87 |  |  |
| 89 | **Chủ điểm 8: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** | | | **4. Phát triển bền vững** - Tham gia diễn đàn vì sự phát triển bền vững. - Hát, múa cổ động bảo vệ môi trường. | | 88 | 30 |  |  |
| 90 | - Tham gia hỏi đáp về bảo vệ môi trường. - Hát các bài Hát về hành tinh xanh. | | 89 |  |  |
| 91 | **Chủ đề 8: PHÒNG TRÁNH THIÊN TAI VÀ GIẢM THIỂU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU** | | | 8. Làm tờ rơi. 9. Tự đánh giá. | | 90 |  |  |
| 92 | **Chủ điểm 9: NOI GƯƠNG NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT** | | | **1. Mừng ngày Thống nhất đất nước 30/4 và Quốc tế Lao động 1/5** - Tham gia chương trình giao lưu và văn nghệ. - Ca ngợi người lao động. | | 91 | 31 |  |  |
| 93 | - Thảo luận về việc làm kế hoạch nh - Tham gia trò chơi "Đoán nghề". | | 92 |  |  |
| 94 | **Chủ đề 9: TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG** | | | 1. Kể tên một số nghề. 2. Khám phá giá trị của nghề. | | 93 |  |  |
| 95 | **Chủ điểm 9: NOI GƯƠNG NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT** | | | **2. Noi gương đội viên, đoàn viên tiêu biểu.** - Giao lưu với đội viên, đoàn viên tiêu biểu. - Tuyên dương người tốt, việc tốt. | | 94 | 32 |  |  |
| 96 | - Kể về những đội viên, Đoàn viên tiêu biểu mà em biết. - Chia sẻ mục tiêu phấn đấu của bản thân. | | 95 |  |  |
| 97 | **Chủ đề 9: TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG** | | | 3. Khám phá một số yếu tố ở người lao động tạo nên giá trị của nghề | | 96 |  |  |
| 98 | **Chủ điểm 9: NOI GƯƠNG NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT** | | | **3. Nhớ về Bác** - Kể chuyện về tấm gương lao động và học tập của Bác Hồ. - Hát về Bác Hồ. | | 97 | 33 |  |  |
| 99 | - Kể cho nhau nghe những câu chuyện về Bác. - Chia sẻ những việc làm tốt tạo ấn tượng sâu sắc trong em. | | 98 |  |  |
| 100 | **Chủ đề 9: TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG** | | | 4. Thể hiện thái độ tôn trọng người lao động. | | 99 |  |  |
| 101 | **Chủ điểm 9: NOI GƯƠNG NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT** | | | **4. Tổng kết năm học** - Nghe báo cáo kết quả học tập và rèn luyện của học sinh toàn trường. - Nói lời tạm biệt các anh chị lớp 9 | | 100 | 34 |  |  |
| 102 | - Chia sẻ kỉ niệm về lớp 6. - Tạm biệt thầy cô và bạn bè. | | 101 |  |  |
| 103 | **Chủ đề 9: TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG** | | | 5. Trân quý nghề của bố mẹ. 6. Tự đánh giá. | | 102 |  |  |
| 104 | **Kiểm tra cuối kì II (60 phút)** | | |  | | 103 | 35 |  |  |
| 105 | **Sửa bài kiểm tra (30 phút)** | | |  | | 104 |  |  |
|  | **Chủ đề 9: TÔN TRỌNG NGƯỜI LAO ĐỘNG** | | | Tạm biệt lớp 6 | | 105 |  |  |
|  |  | | |  | |  |  |  |  |

**II. Nhiệm vụ khác:**

1. Công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ:

a. Chỉ tiêu:

Tự học bồi dưỡng thường thường xuyên, tham dự các lớp tập huấn, các buổi chuyên đề do ngành tổ chức.

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ:  Bản thân phấn đấu trở thành con người mới có phẩm chất, năng lực là những tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

- Giải pháp: Tự nâng cao trình độ về mọi mặt: chính trị, tư tưởng, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ mới có đủ năng lực để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới hoàn thành công việc được giao.

- Thời gian thực hiện sẽ dựa vào kế hoạch.

1. Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn (định kì hàng tháng/ theo cụm trường,…)

a. Chỉ tiêu:

- Dự sinh hoạt 2 tuần/lần.

- Đổi mới sinh hoạt chủ đề theo hướng nghiên cứu bài học ở tuần 27 môn KHTN 6

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Nghiên cứu tiết sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học ở tuần 27

- Thời gian thực hiện theo thông báo của tổ chuyên môn

1. Công tác đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh.

a. Chỉ tiêu:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số lượng HS** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** | **SL** | **TL%** |
| 6A2 | 44 | 20 | 45,5% | 13 | 29,5% | 10 | 22,8% | 1 | 2,2% |
| 6A4 | 42 | 20 | 47,6% | 12 | 28,6% | 10 | 23,8% | 0 |  |

**b.Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện :**

- Nhiệm vụ: Thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức các hình thức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh. Chú trọng hướng dẫn học sinh phương pháp học tập và biết cách tự học, tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng, tự đánh giá kết quả học tập.

- Giải pháp: Tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực học sinh, tạo điều kiện cho học sinh định hướng học tập phù hợp với năng lực của mình. Giáo viên cần xây dựng các chuyên đề nâng cao để bồi dưỡng, rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh Tốt ; đồng thời dạy học bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng của bộ môn đối với học sinh có năng lực đạt, chưa đạt; Đánh giá khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh; Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại học sinh theo TT 22; không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập. Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên. Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (trong lớp học, trong thư viện, vườn trường; trong và ngoài khuôn viên nhà trường), nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh.

- Thời gian thực hiện: Từ tuần chuyên môn thứ 1 đến tuần chuyên môn thứ 35

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh “Chưa đạt”.

**\* Công tác phụ đạo học sinh chưa đạt :**

1. Chỉ tiêu

Môn Khoa học tự nhiên không quá 4%

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Giúp HS nắm lại những kiến thức cơ bản của chương trình môn khoa học tự nhiên, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh đại trà; Giáo viên lập danh sách học sinh chưa đạt thuộc bộ môn mình phụ trách.

- Giải pháp: Xây dựng kế hoạch phụ đạo HS chưa đạt, ghi rõ thời gian, địa điểm và nội dung phụ đạo nộp cho tổ trưởng; Có sơ kết, nhận xét, tuyên dương động viên tinh thần học tập của các em trong từng tháng; Dựa trên quan điểm: học sinh chưa đạt nội dung kiến thức nào thì phụ đạo nội dung kiến thức đó; Kết hợp với giáo viên chủ nhiệm đề ra biện pháp, thường xuyên nhắc nhỡ, động viên để những học sinh chưa đạt tham gia đầy đủ.

- Thời gian thực hiện: tháng 11/2024 đến tháng 5/2025.

1. Công tác quản lí lớp chủ nhiệm

a. Chỉ tiêu:

**\* Kết quả học tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số lượng HS** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 6A4 | 42 | 10 | 23.7% | 20 | 47,5% | 12 | 28,8% | 0 | 0 |

**\* Kết quả rèn luyện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số lượng HS** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| 6A4 | 42 | 40 | 95% | 2 | 5% | 0 | 0 | 0 | 0 |

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Thường xuyên theo dõi, nhắc nhỡ, giáo dục năng lực và phẩm chất các em trong mọi thời điểm, mọi lúc, mọi nơi.

- Giải pháp: Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh; Giảm tỉ lệ học sinh chưa đạt; Thường xuyên tuyên truyền các khoản thu cho phụ huynh để tham gia đạt kết quả cao.

- Thời gian thực hiện: tháng 11/2024 đến tháng 5/2025.

1. Chất lượng hai mặt giáo dục (Kết quả học tập, rèn luyện học sinh)

a.Chỉ tiêu:

\* Về năng lực

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số HS | Tự chủ và tự học | | Giao tiếp và hợp tác | | Giải quyết vấn đề và sáng tạo | | Năng lực đặc thù | |
| Lớp 6A2,4 | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt |
| 86 | 56 | 30 | 64 | 22 | 68 | 18 | 39 | 47 |
| Tỉ lệ | 65% | 35% | 74% | 26% | 79% | 21% | 45% | 55% |

\* Về phẩm chất

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số học sinh** | **Yêu nước** | | **Nhân ái** | | **Chăm chỉ** | | **Trung thực** | | **Trách nhiệm** | |
| Lớp 6A2,4 | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt | Tốt | Đạt |
| 86 | 46 | 40 | 65 | 21 | 46 | 40 | 52 | 34 | 54 | 32 |
| Tỉ lệ | 54% | 46% | 76% | 24% | 54% | 46% | 60% | 40% | 63% | 37% |

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Thiết kế kế hoạch dạy học và tổ chức các hình thức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh. Chú trọng hướng dẫn học sinh phương pháp học tập và biết cách tự học, tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kĩ năng, tự đánh giá kết quả học tập.

- Giải pháp: Tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực học sinh, tạo điều kiện cho học sinh định hướng học tập phù hợp với năng lực của mình. Giáo viên cần xây dựng các chuyên đề nâng cao để bồi dưỡng, rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh Tốt ; đồng thời dạy học bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng của bộ môn đối với học sinh có năng lực đạt, chưa đạt; Đánh **giá khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.**

- Thời gian thực hiện: Từ tuần chuyên môn thứ 1 đến tuần chuyên môn thứ 35

7. Chất lượng tham gia Kì thi, Hội thi, Cuộc thi chuyên môn

a. Chỉ tiêu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hội thi** | **Số lượng giải** | **Người thực hiện** |
| STTTNNĐ | 01 giải KK cấp huyện | GVCN Hồ Thị Như Thủy |

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch hướng dẫn học sinh nghiên cứu, sáng tạo tạo ra sản phẩm STTTNNĐ

- Giải pháp: Đôn đốc nhắc nhỡ hướng dẫn học sinh đạt kết quả.

- Thời gian thực hiện: Tháng 1/2025 đến tháng 3/2025

**8. Công tác tham gia Hội khỏe phù đổng các cấp**

1. Chỉ tiêu:

Đạt ít nhất 1 giải cấp trường 1 trong các nội dung thi đấu

1. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Giáo viên chủ nhiệm thông báo thời gian, địa điểm, thông tin các cuộc thi đến học sinh

- Giải pháp: Giáo viên chủ nhiệm chọn học sinh tham gia đúng năng lực, năng khiếu.

- Thời gian thực hiện: theo kế hoạch của nhà trường.

1. **Một số nội dung khác**

**9.1 Công tác dự giờ, dạy học STEM**

a. Chỉ tiêu:

- Số tiết dự giờ: 2 tiết/năm

- Thực hiện 02 chủ đề dạy học Stem /năm/môn KHTN 6

b. Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Thực hiện đúng theo kế hoạch của tổ chuyên môn

- Thời gian thực hiện dựa vào lịch cụ thể của tổ chuyên môn và kế hoạch của giáo viên; Chuẩn bị tiết dạy dự giờ ở tháng 12/2024 và tháng 02/2025; thực hiện tiết dạy STEM tuần chuyên môn 17 và tuần 27.

**9.2. Chuyển đổi số**

a. Chỉ tiêu:

- 100% Thực hiện chuyển đổi số

- Đưa lên kho học liệu là 12 bài/năm

b.Nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện

- Nhiệm vụ: Chuyển đổi số bằng cách dạy học trực tuyến thông qua Zalo như giao việc học sinh, phụ đạo học sinh chưa đạt.gửi thông tin nhóm của lớp 6A2,4

- Giải pháp: Đối với kho học liệu trước khi đưa bài là nộp qua cho tổ trưởng duyệt bài.

- Thời gian thực hiện từ tháng 10/2024 đến tháng 05/2025

**9.3. Tổ chức các hoạt động giáo dục**

**Khối lớp: 6A2,4; Số học sinh: 86**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần CM** | **Tiết** | **Chủ đề/chuyên đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời điểm/**  **Địa điểm** | **Chủ trì/Phối hợp** | **Ghi chú** |
| 17 | 65, 66 | Chủ đề: Sản xuất dưa rau muống bằng công nghệ nén. | Học sinh vận dụng kiến thức bài vi khuẩn đã học để làm ra được sản phẩm | Trên lớp | Cô Thủy | STEM |
| 27 | 105, 106 | Chủ đề: Chế tạo chiếc dù | Học sinh vận dụng kiến thức tác dụng của lực để làm ra sản phẩm | Trên lớp | Cô Thủy |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** | *Tân Hộ Cơ, ngày 10 tháng 09 năm 2024*  **GIÁO VIÊN** |

1. Tên chủ đề/chuyên đề/bài học được xây dựng từ nội dung chủ đề/chuyên đề/bài học (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học. [↑](#footnote-ref-2)
3. Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa,...). [↑](#footnote-ref-3)
4. . [↑](#footnote-ref-4)
5. [↑](#footnote-ref-5)